

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO TP.HCM

TRƯỜNG THPT GÒ VẤP**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Trung học phổ thông****Năm học: 2019-2020**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	46	1m ² /Hs
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	40	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	6	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	40 lớp/ 40 phòng	1lớp/phòng
8	Bình quân học sinh/lớp	1700/40 lớp	45hs/lớp
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	3874	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	720	
VI	Tổng diện tích các phòng	2472	
1	Diện tích phòng học (m ²)	2100	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	222	
3	Diện tích thư viện (m ²)	40	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	50	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	24	24/40
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	24	24/40
1.1	Khối lớp 10	8	8/13
1.2	Khối lớp 11	8	8/14
1.3	Khối lớp 12	8	8/13
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		
2.2	Khối lớp 11		
2.3	Khối lớp 12		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	123	

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	10	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	50	1/lớp
5	Thiết bị khác: Micro không dây	46	1/lớp
6	Máy photocopy	3	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	10	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	50	1/lớp
5	Thiết bị khác Micro không dây	46	1/lớp
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	50 m ²
XI	Nhà ăn	100 m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	22 phòng (120 m ²)	40	1,2 m ²
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		8/8		1 m ² /học sinh
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Gò Vấp, ngày 15 tháng 8 năm 2019

BGH